TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 -CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2025
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Diện
Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 –Cà Mau.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Út C, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Ấp K, xã C, tỉnh C ..
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Ấp K, xã C, tỉnh C ..
Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn là chị Trương Thị Út C trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M sống chung như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 06/2020 đến nay. Mặc dù hai bên gia đình đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh M không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh M có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Huỳnh, sinh ngày 15/12/2003 và Nguyễn Ngọc Lỉnh, sinh ngày 25/10/2007, các con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi, bổ sung gì thêm.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Út C.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Trương Thị Út C và anh Nguyễn Văn M là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn là anh Nguyễn Văn M có địa chỉ ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Kinh Lớn, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau); do đó Tòa án nhân dân huyện Cái Nước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, xét thấy: Chị Trương Thị Út C và anh Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Trương Thị Út C và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, anh M và chị C có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Huỳnh, sinh ngày 15/12/2003 và Nguyễn Ngọc Lỉnh, sinh ngày 25/10/2007. Do hai cháu đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng: Chị C xác định chị và anh M trong thời gian chung sống không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trương Thị Út C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trương Thị Út C và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh M và chị C có 02 con chung tên: Nguyễn Ngọc Huỳnh, sinh ngày 15/12/2003 và Nguyễn Ngọc Lỉnh, sinh ngày 25/10/2007 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Út C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, ngày 29/4/2025 chị C đã dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019461 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Diện **Nguyễn Văn Mầm** **Tăng Thị Nhớ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sol **Trần Quốc Trí** **Tăng Thị Nhớ**